

The mandate of heaven in Vũ Phương Đề's *Công dư tiếp ký*

ABSTRACT

In Vũ Phương Đề's *Công dư tiếp ký*, the theme of the mandate of heaven (is comprehensively expressed across two dimensions: heavenly virtue and the way of heaven. In both dimensions, Vũ Phương Đề favors utilizing the Confucian doctrine's concept of the mandate of heaven to interpret issues of reality and human life. This perspective clearly reflects a Confucian official committed to upholding and educating people through moral ideals. The influence of the mandate of heaven creates a prominent, normative thematic system within *Công dư tiếp ký*, distinctly revealing the author's centripetal tendency. Furthermore, the theme of the mandate of heaven, as reflected in this memoir, implicitly guides and dictates the characters' existential space-time, gestures, speech, actions, psychology, and outcomes—especially their conduct during significant events and situations—as well as the author's own commentary in each anecdote. In other words, the mandate of heaven is one of the deep cultural layers and a crucial foundation for interpreting the content and modes of reflection within the memoir. Despite sharing the historical and epochal limitations in explaining social issues, Vũ Phương Đề's *Công dư tiếp ký* stands as an authentic, multi-valued memoir that serves as a bridge for the development of the memoir genre in particular, and Vietnamese prose narrative of the 18th – 19th centuries in general.

Keywords: The mandate of heaven, *Công dư tiếp ký*, Vũ Phương Đề.

Vấn đề thiên mệnh trong Công dư tiệp ký của Vũ Phương Đề

TÓM TẮT

Trong *Công dư tiệp ký* của Vũ Phương Đề, vấn đề thiên mệnh được biểu hiện đầy đủ trên cả hai phương diện: thiên đức và thiên đạo. Dù ở phương diện nào, Vũ Phương Đề cũng thiên về việc sử dụng quan niệm thiên mệnh theo học thuyết Nho giáo để lý giải các vấn đề hiện thực, nhân sinh. Đó rõ ràng là cái nhìn của một nhà Nho hành đạo, luôn đề cao việc giữ gìn, giáo hóa con người bằng lý tưởng đạo đức. Sự chi phối của vấn đề thiên mệnh đã tạo cho *Công dư tiệp ký* một hệ thống chủ đề nổi bật mang tính quy phạm, thể hiện rõ khuynh hướng hướng tâm của tác giả. Đồng thời, vấn đề thiên mệnh được phản ánh trong tập ký còn ngầm dẫn dắt, quy định đến không – thời gian tồn tại, cử chỉ, lời nói, hành động, tâm lý, kết cục, nhất là cách ứng xử của nhân vật trước các biến cố, tình huống xảy ra, và ở cả lời bình đàm của tác giả trong mỗi thiên ký,... Nói cách khác, vấn đề thiên mệnh đã là một trong những cơ tầng văn hóa sâu xa, là cơ sở quan trọng cho việc lý giải những vấn đề nội dung và phương thức phản ánh của tập ký. Dù còn mang hạn chế chung của lịch sử, thời đại trong việc lý giải những vấn đề xã hội, nhưng *Công dư tiệp ký* của Vũ Phương Đề đã là tập ký đích thực, đa giá trị, giữ vai trò cầu nối cho sự phát triển của thể ký nói riêng, văn xuôi tự sự Việt Nam thế kỷ XVIII – XIX nói chung.

Từ khóa: *Vấn đề thiên mệnh, Công dư tiệp ký, Vũ Phương Đề.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vũ Phương Đề (1698-1761), quê ở tỉnh Hải Dương. Tác phẩm duy nhất hiện còn của ông cho đến nay chính là tập *Công dư tiệp ký*. Đây là một trong những tác phẩm ký trung đại tiêu biểu, có ảnh hưởng và đóng góp lớn trong thành tựu văn xuôi chữ Hán Việt Nam thế kỷ XVIII - XIX.

Từ cuối thế kỷ XX đến nay, tập ký này của ông đã được các học giả, nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu, khai thác giá trị của tác phẩm ở nhiều phương diện khác nhau. Người sưu tầm, khảo cứu văn bản tác phẩm gắn với việc làm sáng tỏ vấn đề tác giả.¹⁻⁶ Người đi sâu tìm hiểu đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm.⁷⁻⁹ Người lại nghiên cứu giá trị, đóng góp chung của thể loại văn xuôi tự sự, ký, trong đó có sự góp mặt của tập *Công dư tiệp ký*,...¹⁰⁻¹² Tuy nhiên, cho đến nay, chúng tôi nhận thấy vẫn chưa có một bài viết, công trình chuyên sâu, mang tính hệ thống nghiên cứu **vấn đề** thiên mệnh trong *Công dư tiệp ký* của Vũ Phương Đề, nhất là ở những biểu hiện cụ thể và sự chi phối của **vấn đề** này đối với **các phương thức nghệ thuật** trong tập ký.

Công dư tiệp ký của Vũ Phương Đề là tập ký có sự phong phú về nội dung phản ánh; chứa đựng nhiều giá trị văn hóa, văn học thời trung đại. Nghiên cứu những biểu hiện và sự chi phối của **vấn đề** thiên mệnh trong tập ký này của ông sẽ giúp chúng ta giải mã được nhiều giá trị văn hóa, văn học còn ẩn tàng trong tác phẩm, góp thêm một điểm nhìn tham chiếu trong việc định hình đặc trưng thể loại ký, khẳng định giá trị tác phẩm trong tiến trình vận động của thể loại ký trung đại Việt Nam nói riêng cũng như

văn xuôi trung đại Việt Nam nói chung. Kết quả nghiên cứu của bài viết cũng là cơ sở lý thuyết và thực tiễn góp phần giúp giáo viên, giảng viên có thể giảng dạy tốt hơn tác phẩm văn học trung đại Việt Nam thuộc thể loại ký trong chương trình Ngữ văn trung học, đại học.

Để làm sáng rõ vấn đề nghiên cứu trong bài viết này, chúng tôi sử dụng phương pháp, hướng tiếp cận chủ yếu là văn hóa học; đồng thời kết hợp với một số thao tác nghiên cứu khác như: so sánh, phân tích, khái quát hóa. **Đối tượng** nghiên cứu của bài viết là văn bản tác phẩm *Công dư tiệp ký* của Vũ Phương Đề (gồm 44 bài ký, được chia thành nhiều môn loại: I. Thế gia, II. Danh thần, III. Danh Nho, IV. Tiết nghĩa, V. Ác báo, VI. Tiết phụ, VII. Ca nữ, VIII. Thần quái, IX. Âm phần dương trạch, X. Danh thắng, XI. Thú loại), do Đoàn Thăng dịch, Trần Nghĩa giới thiệu, nhà xuất bản Văn học ấn hành năm 2001. Sở dĩ chúng tôi chọn văn bản này làm **đối tượng** nghiên cứu là bởi như nhà văn bản học Trần Nghĩa đã nhận định trong phần “Giới thiệu văn bản” của sách *Công dư tiệp ký*: văn bản *Công dư tiệp ký* hiện có 4 bản viết tay bằng chữ Hán, tàng trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, mang ký hiệu: A.44, VHv.14, VHv.1324/1-2, VHv.1324/1, “Trong số các dị bản vừa kể, bản A.44 có nội dung đầy đủ nhất, chữ viết ít sai sót nhất, do vậy đã được chọn làm bản nền để dịch trong lần xuất bản này”.⁴

2. NỘI DUNG

2.1. Giới thuyết về vấn đề thiên mệnh

Thiên mệnh (天命) vốn là đức tin cổ xưa, đã có mặt từ trong huyền thoại, tín ngưỡng dân gian và trở thành các học thuyết về thần học, triết

học chứ không chỉ là sở hữu riêng của Nho giáo. Tuy nhiên, Nho giáo đã hoàn chỉnh vấn đề thiên mệnh bằng cả một hệ thống kinh điển qua *Tứ thư* và *Ngũ kinh*.

Bản về nội hàm khái niệm thiên mệnh trong Nho giáo, nhiều học giả Trung Quốc cũng như Việt Nam đã đưa ra những luận giải khái quát. Tác giả Chung Triệu Bằng 钟肇鹏, trong công trình *Khổng Tử nghiên cứu* 孔子研究, cho rằng: “天命是儒家與陰陽家哲學概念的一種，主張朝代興衰、君主更替，不完全是人類所能控制的。如果為政者不守德而失道，就會失去上天的支持，上天支持的對象自然能夠稱帝稱王，上天不支持的對象則會衰弱滅亡。在中國歷史上常用來解釋新政權取代舊政權的合法性。《中庸》書中「天命」的概念，是指由上天賦予人性的與生俱來的道德感，這種道德感促使人如遵循命令般去遵循善，因此大學的止於至善也是一種生而為人的使命。《中庸》與《大學》強調，理想的統治者應憑藉此種神聖道德使命感來獲得上天的支持，使其統治具有天命的合法性，而失去這種神聖道德使命感的統治者也將失去天命的統治合法性” (Thiên mệnh là một khái niệm triết học từ Nho giáo và Âm dương gia, chủ trương rằng sự thăng trầm của các triều đại và sự thay thế của các vị vua không hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát của con người. Nếu một chính trị gia không tuân theo đạo đức và mất đi con đường đúng đắn, người đó sẽ mất đi sự ủng hộ của trời (thượng đế). Những người được ủng hộ đương nhiên sẽ có thể trở thành hoàng đế và vua chúa, còn những người không được trời ủng hộ sẽ suy yếu và diệt vong. Trong lịch sử Trung Quốc, nó thường được dùng để giải thích tính hợp pháp của chế độ mới thay thế chế độ cũ. Khái niệm thiên mệnh trong sách *Trung dung* đề cập đến ý thức đạo đức bẩm sinh được trời ban cho bản chất con người. Ý thức đạo đức này thúc đẩy con người tuân theo những điều tốt đẹp khi tuân theo mệnh lệnh. Tinh thần *chỉ ư chí thiện* (dừng lại ở mức chí thiện) của sách *Đại học* cũng là một loại cuộc sống và sứ mệnh của con người. Sách *Trung dung* và *Đại học* nhấn mạnh rằng người cai trị lý tưởng nên dựa vào ý thức về sứ mệnh đạo đức thiêng liêng này để nhận được sự ủng hộ từ thiên thượng, để sự cai trị của mình có được tính hợp pháp của số phận, sứ mệnh đạo đức thiêng liêng cũng sẽ mất đi tính chính đáng của sự cai trị của số mệnh).¹³ Theo đó, nội hàm khái niệm thiên mệnh được Chung Triệu Bằng nhấn mạnh ở sự chi phối của một thực thể siêu nhiên là trời đối với con người, cụ thể là ở việc trời vốn đã hướng tới,

phủ cho con người bản chất tốt đẹp bẩm sinh gọi là đạo đức. Mỗi người được trời ủng hộ hay không là tùy thuộc vào việc người đó có ý thức tuân theo những điều tốt đẹp là sứ mệnh đạo đức thiêng liêng mà trời đã phủ cho hay không. Tuy nhiên, sự chi phối của trời đối với con người ở đây được Chung Triệu Bằng nói đến chủ yếu trong phạm vi liên quan đến vấn đề cai trị của các chính trị gia, vua chúa, suy rộng ra là vấn đề tồn vong của các triều đại.

Trong công trình *Nho giáo*, học giả Trần Trọng Kim cho rằng: “Nho giáo đã tin có Trời làm chủ tế cả vũ trụ thì tất là nhận có cái ý chí rất mạnh để khiến sự biến hóa ở trong thế gian cho hợp lẽ điều hòa. Cái ý chí ấy gọi là *thiên mệnh* hay là *đế mệnh*. Cổ nhân dùng chữ *thiên* để chỉ cái ý to lớn cao xa, bao bọc, che chở, và dùng chữ *đế* để chỉ cái ý làm chủ tế cả muôn vật. Nói *thiên mệnh* hay là *đế mệnh* tức là nói cái ý chí của Trời [...]. Trời hay Đế chỉ là cái Lý vô hình, rất linh diệu, rất cương kiện, mà khi đã định sự biến động ra thế nào thì dầu làm sao cũng không cưỡng lại được. Khổng Tử tin có trời như thế, và có thiên mệnh cho nên Ngài nói rằng: *Bất tri mệnh vô dĩ vi quân tử dã*: không biết mệnh Trời thì không lấy gì làm quân tử (*Luận ngữ: Nghiêu viết, XX*). Những công việc người ta ở đời thành hay bại, thế cục thịnh hay suy đều do ở thiên mệnh cả”.¹⁴ Như vậy, học giả Trần Trọng Kim cũng thừa nhận trời là một thực thể vô hình đứng đầu vũ trụ và xem thiên mệnh chính là “cái ý chí của Trời” chi phối đến mọi sự thay đổi trong vũ trụ, thế gian nói chung cũng như sự thay đổi cụ thể trong công việc của mỗi người, sự thịnh suy của thế cục nói riêng.

Từ sự tìm hiểu những điểm bản về thiên mệnh trong sách *Luận ngữ*, học giả Nguyễn Hiến Lê đã rút ra ba ý nghĩa về khái niệm thiên mệnh, trong công trình *Khổng Tử* do ông biên soạn: “Như vậy, chữ “thiên mệnh” trong *Luận ngữ* có hết thấy ba nghĩa: - Nghĩa thứ nhất – số 1, 2 và 3 – trở một thái độ thuận triết của những người tin rằng trong vũ trụ có một luật biến hóa nào đó có thể tìm hiểu được và nên ráng tìm hiểu, để xử sự theo nó, đừng trái nó. - Nghĩa thứ nhì – số 4 – và nghĩa nghĩa thứ ba – số 5, 6 – đều cho rằng trong đời có những điều không thể hiểu được, có khi vô lý nữa; chỉ khác là nghĩa thứ nhì trở một thái độ tích cực, cứ làm hết sức mình rồi kết quả ra sao cũng mặc; còn nghĩa thứ ba trở một thái độ tiêu cực, hoàn toàn để cho hoàn cảnh chi phối, chẳng cần làm gì cả”.¹⁵ Với Nguyễn Hiến Lê, ông cũng thống nhất với những học giả trước đó về quan niệm thiên mệnh chỉ sự chi phối của trời là “luật biến hóa” tác động đến mọi đối

tượng, vấn đề trong vũ trụ cũng như trong đời sống con người. Đồng thời, ông cũng chấp nhận cả hai cách hiểu về vấn đề thiên mệnh: có những “luật biến hóa” con người có thể hiểu được, cần phải nương theo mà xử sự hoặc không thể hiểu được, chỉ biết chấp nhận, buông xuôi. Như vậy, điểm chung trong quan niệm về thiên mệnh của các học giả ở đây trước hết là đều thừa nhận có một thực thể siêu hình, vô hình là trời; và thiên mệnh dù được gọi tên là “sự ủng hộ”, “cái ý chỉ”, hay “luật biến hóa” của trời cũng đều chỉ sự ảnh hưởng, chi phối của thực thể này đối với con người, nằm ngoài ý muốn chủ quan của con người.

Tìm hiểu cụ thể nội hàm quan niệm thiên mệnh được đề cập, luận bàn trong các kinh sách của Nho giáo và một số công trình liên quan, chúng tôi nhận thấy vấn đề thiên mệnh được biểu hiện tập trung qua hai phương diện là thiên đức và thiên đạo. Thiên đức là đặc tính của trời, và cũng là bản tính ban đầu của con người được trời phú cho. Trong *Kinh Dịch*, phần *Thoán từ* cho quẻ Càn có bốn đức: nguyên, hanh, lợi, trinh. Về sau, phần *Thoán truyện* cho quẻ này một ý nghĩa về vũ trụ là tượng trưng cho trời và lý giải về bốn đức của trời: “Trời có đức “nguyên” vì là nguồn gốc của vạn vật; có đức “hanh” vì làm ra mây, mưa để cho vạn vật sinh trưởng đến vô cùng; có đức “lợi” và “trinh” vì biến hóa, khiến cho vật gì cũng giữ được bản tính, được nguyên khí cho thái hòa (cực hòa)”.¹⁶ Đến phần *Văn ngôn truyện*, quẻ Càn tiếp tục được cho thêm một ý nghĩa nữa về nhân sinh, đạo đức là tượng trưng cho người quân tử. Và người quân tử cũng có bốn đức tương ứng như bốn đức của trời: “*Nhân*, đức lớn nhất, gốc của lòng người, tức như đức “nguyên” của trời. *Lễ*, là hợp với đạo lý, hợp với đạo lý thì hanh thông, cho nên lễ tức như đức “hanh” của trời. *Nghĩa*, đức này làm cho mọi người được vui vẻ, sung sướng, tức như đức “lợi” của trời. *Trí*, là sáng suốt, biết rõ thị phi, có biết thị phi mới làm được mọi việc cho nên nó là đức cốt cán, cũng như đức “trinh” – chính và bền – của trời”.¹⁶ Thời Chiến Quốc, trong học thuyết về tính thiện, Mạnh Tử cho rằng, bản tính của con người được trời phú cho là thiện: “Nhơn tánh chi thiện giả, du thủy chi tự hạ giả. Nhơn vô hữu bất thiện, thủy vô hữu bất hạ” (Bản tính của người ta vốn thiện, như bản tính của nước là dòng xuống phía dưới thấp vậy. Không một người nào tự nhiên sinh ra mà bất thiện, cũng như không một thứ nước nào mà không chảy xuống thấp).¹⁷ Theo đó, tính thiện của con người được biểu hiện ở bốn đức: nhân, nghĩa, lễ, trí. Và bốn đức đó bắt nguồn ở “tứ đoan” (bốn đầu mối của thiện) vốn

có trong mỗi con người: “Nhơn chi hữu thị tứ đoan giả, du kỳ hữu tứ thể giả” (Người ta tự nhiên có đủ bốn mối ấy, như thân thể có đủ tứ chi vậy).¹⁷ Đến thời nhà Hán, Đông Trọng Thư đã bổ sung đức “tín” vào tứ đức của con người thành ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.¹⁸ Như vậy, theo Nho giáo, thiên đức chính là những đức tính tốt đẹp trời phú cho con người và cũng là những phẩm chất cần tu dưỡng để giữ được, đạt được đối với mỗi người, ban đầu là tứ đức, về sau mở rộng ra là ngũ thường (năm phẩm chất thường tồn, vốn có ở mỗi người). Điều này vừa có điểm gặp gỡ vừa có điểm khác so với trong tín ngưỡng dân gian, khi người dân có đức tin những phẩm chất trời phú cho mỗi người có thể tốt hoặc xấu, như có người sinh ra vốn sẵn thông minh, có người lại đần độn, điều mà chúng ta vẫn thường thấy xuất hiện trong những truyện dân gian. Và những phẩm chất bẩm sinh này có khi nằm ngoài phạm trù thiên đức trong quan niệm thiên mệnh của học thuyết Nho giáo.

Vấn đề thiên mệnh trong học thuyết Nho giáo còn biểu hiện ở phương diện thiên đạo. Thiên đạo chính là những phép tắc của trời làm mô phạm cho hành vi ứng xử của con người.¹⁶ Sở dĩ, những phép tắc ứng xử của trời được xem là chuẩn mực cho những đối nhân xử thế của con người là bởi như học giả Nguyễn Hiến Lê đã lý giải: “Cả vũ trụ chỉ là âm dương, trời là dương, đất là âm, trai là dương, gái là âm, như vậy là “nhất thể” rồi; mà loài người bị luật âm dương chi phối, tức luật tự nhiên của trời đất chi phối, thì thiên đạo tức là nhân đạo”.¹⁶ Nội dung thiên đạo trong Nho giáo được cụ thể hóa bằng cả một hệ thống triết lý về thiên cơ, thiên thời, thiên luật, thiên ý. Thiên cơ là dự định, sắp đặt trước của trời về những việc sẽ xảy ra trong tương lai, nhất là những việc hệ trọng và không phải ai cũng dễ dàng biết được. Để biết được thiên cơ chi phối đến những vấn đề hệ trọng của con người trong tương lai nhằm tìm ra cách ứng xử sao cho phù hợp, các Nho gia thường phải dựa vào phép bói Dịch theo luật âm dương được biểu hiện cụ thể trong 64 quẻ, như Nguyễn Hiến Lê đã nhận định khi nghiên cứu *Kinh Dịch*: “Văn Vương, Chu Công và các tác giả *Dịch truyện* tin nó (phép bói Dịch) và ráng đem những luật âm dương ai cũng nhận thấy trong vũ trụ để giảng cho nó bớt tính cách huyền bí đi; rồi sửa lại thuyết định mệnh trong Dịch, coi nó là một luật tự nhiên, nó chỉ cho ta biết cái hướng theo đó sự việc sẽ xảy ra (Hệ Từ thượng – Ch.3 – đoạn 5) và nếu ta nhiều khi không thể sửa cái hướng đó được thì cũng có thể tránh nó hoặc tìm một thái độ thích hợp để thêm tốt lên hoặc xấu đi,

để “xu cát tị hung”¹⁶. Còn thiên thời là những thời cơ hoặc thách thức mà trời đã và đang thực hiện trước mắt con người. Thiên thời có thể là khó khăn với người này nhưng lại là cơ hội với người khác. Vì trời đất luôn luôn tuần hoàn, âm dương liên tục biến đổi, chuyển hóa nên thức thời và hành động theo lẽ tùy thời của con người cũng là hợp với thiên đạo: “Khi vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn có nói rằng: “Lịch số của trời nay đã đến lượt nhà ngươi”. Vua Thuấn cũng lại đem câu ấy nói lại với Bá Vũ. Bốn mùa lần lượt theo thứ tự thay đổi nhau, ngũ hành cũng theo lẽ thường thay nhau thịnh vượng [...]. Thánh nhân phải biết thời thế và thuận theo vận mệnh như vậy”¹⁹. Và thiên luật là sự thực thi lẽ công bằng của trời. Trời luôn thực thi sự công bằng để làm cho mọi thứ hợp lẽ điều hòa. Nguyên tắc chung trong thực thi sự công bằng là phải trung, giữ được sự quân bình: “Đạo trời, cái gì đầy thì làm cho khuyết đi, cái gì thấp kém (khiêm) thì bù đắp cho (Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm) [...]. *Đại tượng truyện* khuyên người quân tử nên bớt chôn nhiều, bù chôn ít để cho sự vật được cân xứng, quân bình (Biều đa ích quả, xứng vật bình thì)”¹⁶. Đồng thời, thuận theo lẽ phải thì tốt lành, làm trái lẽ phải thì gặp điều dữ: “Đức độ của vua Nghiêu rộng lớn, được trời thương mến, cho làm vua thiên hạ. Vua Thuấn cẩn thận ở ngôi vua, chịu mệnh thượng đế, trời ban cho mọi sự tốt lành. Vua Vũ chăm chỉ việc nước, cần kiệm việc nhà, không tự cho mình là giỏi, không cậy mình là có công, lịch số của trời chuyển đến tay vua Vũ. Đây chính là ứng nghiệm của sự thuận theo lẽ phải thì tốt lành”¹⁹. Điều này chúng ta thấy có sự gặp gỡ với quan niệm “nhân quả báo ứng” trong tư tưởng của Phật giáo. Các nhà Nho còn tin rằng, trước khi thực thi lẽ công bằng, trời cũng có thể đưa ra điềm báo về việc cát – hung sắp xảy ra. Khía cạnh cuối cùng trong phương diện thiên đạo đó là thiên ý. Đây là khía cạnh mang tính khái quát, chỉ ý chí, quyết định của trời nói chung đối với tất cả các phương diện liên quan đến con người, vạn vật và đôi khi nằm ngoài ý thức, ý muốn chủ quan của con người. Đó vừa là sự vận hành của quy luật tự nhiên vừa là sự chi phối bởi một quyền lực siêu nhiên vô hình là trời.

Khi luận bàn về quan niệm thiên mệnh, các nhà Nho còn khẳng định, nhấn mạnh đến vị trí, vai trò quan trọng của vua. Vua được cho là thiên tử (con trời), ý vua cũng là ý trời. Vua là người phải thường xuyên tu đạo để đạt đức cực thiện, cực mỹ, xứng đáng là đại diện tiêu biểu của dân. Đồng thời, vua cũng là cầu nối giữa trời với dân, đại diện của trời ở trần thế để thay trời hành đạo, giúp cho quốc thái dân an: “Vua

thể theo lòng trời, lập ra chính trị, tuyên dương giáo hóa, chấn chỉnh phong tục, tác thành nhân tài, tuyển lựa, quý chuộng người hiền năng, thương người nghèo yếu mà dẹp kẻ cường hào, bồi dưỡng người thiện mà gạt bỏ kẻ ác, hết thấy đều là đạo công bình chính trực, không gì không phải là lẽ thường phép lớn vậy”¹⁹. Giữa vua với dân luôn có mối quan hệ tương tác, quy định lẫn nhau: “Ông vua chỉ là một phần trong toàn thể, vì có tài có đức mà được cái địa vị tôn quý để giữ cho toàn thể được điều hòa yên ổn. Hễ ông vua làm điều gì trái lòng dân, tức là trái mệnh trời. Thành thử ông vua tuy đối với trời được thay quyền trời, nhưng đối với dân lại phải chịu hết cả các trách nhiệm. Mà dân thì tuy phải chịu quyền ông vua cai trị, nhưng vẫn có quyền bắt vua phải theo điều lành mà làm”¹⁴. Dẫn lại lời của Khổng Tử, sách *Kinh lễ* không chỉ nói đến tôn ti và vai trò của thiên tử mà còn đề cao đến việc dùng lễ trong đường lối đức trị của vua: “Trời không thể có hai mặt trời, đất không thể có hai vua, nhà không thể có hai chủ, ngôi tôn quý không thể có hai, đó là ý nghĩa để phân biệt vua tôi”, “Lễ, vốn là đạo do tiên vương thuận theo ý trời lấy tình mà trị dân, cho nên mất cái tình ấy thì chết mà được thì sống [...]. Thánh nhân dùng lễ để biểu thị, nên thiên hạ quốc gia có thể dùng nó để làm ngay chính mọi điều”²⁰.

Tóm lại, thiên mệnh trong Nho giáo không đơn thuần là đức tin vô căn cứ xuất phát từ tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và con người của dân gian mà cao hơn là thể hiện thế giới quan, nhân sinh quan biện chứng và sâu sắc, được cụ thể hóa bằng cả một hệ thống triết học về thiên đức, thiên đạo, và đó cũng chính là hệ thống chính trị, đạo đức phong kiến làm nền tảng tinh thần cho xã hội. Nếu thiên đức là những phẩm chất tốt đẹp, cần có trời đã phú cho mỗi người thì thiên đạo lại là con đường, cách thức trời thực hiện để khiến mỗi người giữ được, đạt được những đức cần có ấy. Quan niệm thiên mệnh trong Nho giáo đã đi từ thuyết định mệnh, mang màu sắc huyền bí, không thể lý giải trong tín ngưỡng dân gian đến vận dụng triết lý âm dương như là quy luật khách quan của tự nhiên để chứng minh cho sự tương thông, tương cảm giữa trời đất với con người nói chung, cũng như để lý giải cho từng hiện tượng chuyển biến trong tự nhiên và xã hội nói riêng. Nói cách khác, nội dung quan niệm thiên mệnh trong Nho giáo có sự kết hợp cả niềm tin vào sự chi phối của một thế lực siêu nhiên vô hình, vô danh (gọi chung là trời) với tính quy luật của tự nhiên, khác với nội dung quan niệm thiên mệnh trong một số tín ngưỡng dân gian, tôn giáo xem thiên mệnh đơn thuần chỉ là đức tin vào sự cai quản, định đoạt của một thế lực

siêu nhiên hữu hình, hữu danh, cũng có đời sống như con người (Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thiên Đế,...). Nho giáo coi thiên mệnh là một quy tắc đạo đức và trách nhiệm xã hội mà con người phải tuân theo, chủ yếu dùng cho người quân tử, người cầm quyền trong việc tu, tề, trị, bình nhằm chỉnh đốn bản thân cũng như xây dựng một xã hội tốt đẹp theo lý tưởng của Nho gia. Đạo giáo coi thiên mệnh là sự hòa hợp với vũ trụ, không làm những gì trái với quy luật của tự nhiên. Nho giáo cho rằng con người chịu mệnh trời, và nhờ không ngừng tu dưỡng đạo đức mà có thể “tri thiên mệnh”, cải biến được số mệnh. Trong khi đó, Phật giáo nhấn mạnh đến sự thay đổi số mệnh của con người thông qua hành động tạo thiện nghiệp, theo luật nhân quả: “Thiện giả thiện báo, ác giả ác báo”. Còn tín ngưỡng dân gian lại tin vào sự thấu cảm, can thiệp của thần linh và khả năng cải mệnh bằng các nghi lễ cúng bái. Cũng cần phải nói thêm rằng, trong công trình *Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam*, nhà nghiên cứu Nguyễn Gia Phú còn nhận định: “Từ đời Hán, Phật giáo bắt đầu truyền vào Trung Quốc và đến cuối đời Đông Hán, Đạo giáo cũng ra đời. Đến thời Đường, các Nho gia, tiêu biểu là Hàn Dũ đã học tập một số yếu tố của học thuyết Phật giáo và Đạo giáo, đồng thời khai thác các thuyết âm dương ngũ hành để bổ sung cho triết lý Nho gia thêm phần sâu sắc”.¹⁸ Vậy nên, xét từ nguồn gốc đến tiến trình phát triển, nội dung quan niệm thiên mệnh của Nho giáo tất yếu vừa có những điểm riêng mang tính khu biệt, lại vừa có những điểm chung mang tính kế thừa, tiếp thu từ trong tín ngưỡng dân gian và những học thuyết chính trị, đạo đức, tôn giáo khác. Điều này khiến cho quan niệm thiên mệnh trở thành một vấn đề khá thú vị nhưng cũng vô cùng phức tạp, đôi khi khó có thể minh định một cách rạch ròi.

2.2. Biểu hiện và sự chi phối của vấn đề thiên mệnh trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề

Bảng 1. Khảo sát biểu hiện và sự chi phối của vấn đề thiên mệnh trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề.

Thiên mệnh Tác phẩm	Thiên đức					Thiên đạo			
	Nhân	Nghĩa	Lễ	Trí	Tín	Thiên cơ	Thiên thời	Thiên luật	Thiên ý
I. Thế gia									
1. <i>Truyện họ Vũ ở</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Thiên mệnh đã trở thành một trong những vấn đề phổ biến, ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội cũng như đời sống văn học nước ta suốt thời kỳ phong kiến. Nhiều tác giả văn học trung đại Việt Nam đã xác tín mọi biểu hiện của chốn trần gian, xã hội đều được trời tỏ tường, quyết định. Đó như là một sự thật hiển nhiên được mọi người chấp nhận và chưa có ý thức phản vấn, nhận thức lại. Ví như, từ trong giai đoạn đầu của văn học viết trung đại, tác giả của *Nam quốc sơn hà* đã từng viết: “Nam quốc sơn hà Nam đế cư/ Tiệt nhiên định phận tại thiên thư (Sông núi nước Nam đã có vua Nam cai quản/ Ranh giới địa phận đã được ghi rõ ở sách trời)”. Văn học trung đại Việt Nam thế kỷ XVI - XVII, trong *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ, nhân vật người mẹ chồng của Vũ Nương trước khi mất cũng đã tin rằng: “Ngấn dài có số, tươi héo bởi trời”. Đến thế kỷ XIX, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là một ví dụ điển hình về việc vận dụng quan niệm thiên mệnh để lý giải các vấn đề hiện thực, nhân sinh: “Ngẫm hay muôn sự tại trời/ Trời kia đã bắt làm người có thân/ Bắt phong trần phải phong trần/ Cho thanh cao mới được phần thanh cao/ Có đâu thiên vị người nào/ Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai”. Đứng trước hiện thực cuộc sống bộn bề, những vấn đề xã hội phức tạp, những chuyện của muôn đời, Vũ Phương Đề cũng như nhiều tác giả nhà Nho khác cùng một lúc đã vận dụng nội dung trong nhiều học thuyết, tín ngưỡng thịnh hành đương thời để biện giải, trong đó có vấn đề thiên mệnh. Và qua *Công dư tiếp ký*, việc lựa chọn cách hiểu, phương diện, khía cạnh nào ở quan niệm thiên mệnh để lý giải những vấn đề hiện thực đời sống đều góp phần thể hiện tâm thế, tầm nhận thức, tư tưởng của tác giả.

Tiến hành khảo sát cụ thể 44 tác phẩm ký trong tập *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề về những phương diện, khía cạnh liên quan đến vấn đề thiên mệnh làm cơ sở cho những phân tích, khái quát, chúng tôi thu được bảng khảo sát dưới đây (Bảng 1).

<i>Mộ Trạch</i>									
<i>2. Truyện Thượng thư Vũ Hữu – phụ chép truyện Vũ Dự</i>	-	+	+	+	-	-	-	+	-
<i>3. Truyện Trạng vật</i>	-	-	-	+	-	-	-	+	-
<i>4. Truyện Tể tướng xã Mộ Trạch</i>	+	+	-	+	-	-	-	+	-
<i>5. Truyện mộ tổ ở Vịnh Kiều – phụ chép truyện Hiên Tích</i>	-	+	-	-	-	-	+	+	+
II. Danh thần									
<i>6. Truyện vị công thần liêm tiết</i>	-	+	-	-	-	-	-	+	-
<i>7. Truyện Thiếu bảo Trần Thường</i>	-	+	-	-	-	-	-	+	-
<i>8. Truyện ông Quế Am Vũ Đoán</i>	-	+	-	+	-	+	-	+	-
<i>9. Truyện Trạng Cờ</i>	-	-	-	+	-	-	-	+	-
<i>10. Truyện Thượng thư Vũ Công Đạo</i>	-	+	-	-	-	+	-	-	-
<i>11. Truyện Thượng thư Lương Hữu Khánh</i>	-	+	-	-	-	-	-	+	-
III. Danh Nho									
<i>12. Truyện Thượng thư Vũ Quỳnh – phụ chép truyện Vũ Hàn</i>	-	-	-	-	-	-	+	-	-
<i>13. Truyện Trạng nguyên Lê Nại</i>	+	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>14. Truyện Bảng nhãn Nguyễn Toàn An</i>	-	-	+	-	-	-	-	-	+
<i>15. Truyện Thượng thư Trịnh Thiết Tường</i>	-	-	-	+	-	-	-	-	-
<i>16. Truyện Trạng nguyên xã Đình Kế</i>	+	+	+	-	-	-	-	+	+
<i>17. Truyện Phạm Trấn và Đỗ Ưông</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-

18. Truyện Thượng thư Lê Như Hổ	-	-	-	+	-	-	-	-	-
19. Truyện Thám hoa Quách Giai	-	-	-	+	-	+	-	-	-
20. Truyện Tham nghị Vũ Đăng Hiến	-	+	+	-	-	-	-	-	-
IV. Tiết nghĩa									
21. Truyện Lê Cảnh Tuân – phụ chép truyện Quang Bí, Thúc Hiến, Thiếu Dĩnh	-	+	-	-	-	-	-	-	-
22. Truyện Thượng thư Trương Phu Duyệt	-	+	-	-	-	-	-	-	-
23. Truyện Đại hưng hầu	-	-	-	-	-	-	-	-	-
V. Ác báo									
24. Truyện yêu quý gà	-	-	-	-	-	-	-	+	-
VI. Tiết phụ									
25. Truyện người tiết phụ làng Phù Ủng	-	-	+	-	-	-	-	+	-
VII. Ca nữ									
26. Truyện Đào Nương	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VIII. Thần quái									
27. Truyện Đế Thích – phụ chép truyện Trương Ba	-	-	-	-	-	-	-	-	-
28. Truyện chùa Quang Minh làng Hậu Bổng	-	-	-	-	-	-	-	+	-
29. Truyện chùa Bối Khê	-	-	-	-	-	-	-	-	-
30. Truyện ngôi đền thiêng ở xã Bộ Đầu	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31. Truyện dị nhân	-	-	-	-	-	-	-	-	-

<i>làng Hạ Bì</i>									
<i>32. Truyện thủy thần sông Kim Tung</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>33. Truyện ngôi đền thiêng ở Thanh Hoa</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>34. Truyện Cường Bạo Đại vương</i>	-	-	-	-	-	-	-	+	-
<i>35. Truyện Nguyễn Giám sinh ở La Sơn</i>	-	+	-	+	-	-	-	-	+
<i>36. Truyện suối rắn</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IX. Âm phần dương trạch									
<i>37. Truyện Đình Tiên Hoàng</i>	-	-	-	-	-	-	+	-	-
<i>38. Truyện mộ tổ nhà Trần</i>	-	-	-	-	+	-	-	-	+
<i>39. Truyện họ Vũ xã Trung Hành</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>40. Truyện bà cung phi ở làng Hoàng Xá</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>41. Truyện Trâu Canh ở xã Từ Trầm</i>	-	-	-	-	+	-	-	-	-
X. Danh thắng									
<i>42. Truyện hồ Ba Bể ở núi Côn Lôn</i>	+	-	-	-	-	-	-	-	-
XI. Thú loại									
<i>43. Truyện người nuôi hổ ở huyện Tống Sơn</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>44. Truyện ông lão mang lột hổ</i>	-	-	-	-	-	-	-	+	-

Căn cứ vào bảng khảo sát trên, ta thấy thiên mệnh là vấn đề nổi bật trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề, với số lượng tác phẩm liên quan chiếm tỉ lệ khá cao: 30/44 tác phẩm (chiếm tỉ lệ 68,2%). Cũng trong tập ký này, vấn đề thiên mệnh được thể hiện, chi phối tương đối dân trải, đồng đều qua cả hai phương diện thiên đức và thiên đạo: 23/30 tác phẩm liên quan đến vấn đề thiên đức (chiếm tỉ lệ 76,7%)

và 22/30 tác phẩm liên quan đến vấn đề thiên đạo (chiếm tỉ lệ 73,3%). Điều đó là bởi: phần lớn, trong cùng một tác phẩm, ít nhiều đều có những biểu hiện liên quan đến cả các khía cạnh trong phương diện thiên đức và thiên đạo.

2.2.1. Biểu hiện và sự chi phối của phương diện thiên đức trong Công dư tiếp ký của Vũ Phương Đề

Theo học thuyết Nho giáo, thiên đức cũng là nhân đức, ngũ thường: những đức tính tốt đẹp cơ bản, thường trực mà mỗi người cần có để trở thành người quân tử. Đó cũng chính là những nguyên tắc đạo đức, khuôn vàng thước ngọc để đánh giá phẩm hạnh của con người, hướng con người đến một cuộc sống tốt đẹp, xây dựng một xã hội hài hòa, ổn định. Và như học giả Trần Trọng Kim, trong công trình *Nho giáo*, đã nhận định: “Lúc đầu, chữ *quân tử* là nói người có địa vị tôn quý, mà chữ *tiểu nhân* là nói người thường nhân, không có địa vị gì trong xã hội [...]. Về sau dùng rộng nghĩa ra, gọi quân tử là người có đức hạnh tôn quý, và gọi tiểu nhân là người có chí khí hèn hạ”.¹⁴ Điều đó có nghĩa, dù thuộc giai tầng nào trong xã hội thì ai cũng có thể là quân tử hoặc tiểu nhân.

Bảng 2. Thống kê biểu hiện và sự chi phối của phương diện thiên đức trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề.

Các khía cạnh biểu hiện và sự chi phối của phương diện thiên đức trong <i>Công dư tiếp ký</i> của Vũ Phương Đề	Số lượng tác phẩm	Tỉ lệ (%)
<i>Nhân</i>	4/23	17,4
<i>Nghĩa</i>	13/23	56,5
<i>Lễ</i>	5/23	21,7
<i>Trí</i>	9/23	39,1
<i>Tín</i>	2/23	8,7

Ở mỗi đức có được, các nhân vật trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề hiện lên với những dáng vẻ khác nhau, sinh động, thu hút được sự chú ý của độc giả ngay ở lời giới thiệu đầu thiên ký. Với đức nhân, nhân vật là người luôn có lòng yêu thương, đồng cảm và khoan dung với người khác. Ví như, nhân vật Trạng nguyên Lê Nại trong thiên ký *Truyện Trạng nguyên Lê Nại* là người có lòng nhân, được Quang Bí ngợi ca: “Độ lượng khoan hồng tiết tháo thuần hậu”.⁴ Nếu như đức nhân của Lê Nại thiên về con đường đức trị của người cầm quyền trong học thuyết Nho giáo thì đức nhân của những người xuất thân từ tầng lớp lao động như mẹ của Tể tướng Vũ Duy Chí (*Truyện Tể tướng xã Mộ Trạch*) và mẹ của Trạng nguyên Giáp Hải (*Truyện Trạng nguyên xã Đình Kế*) lại thiên về truyền thống dân tộc: lòng nhân ái, tinh thần tương thân tương ái. Nhật được bó lựa ngoài chợ, mẹ của Duy Chí liền trả lại cho người đánh

Trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề có đầy đủ các khía cạnh biểu hiện và sự chi phối của phương diện thiên đức: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Trên cơ sở khảo sát tác phẩm (Bảng 1), chúng tôi tiếp tục thống kê để có kết quả cụ thể về biểu hiện và sự chi phối của các khía cạnh thuộc phương diện thiên đức trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề. Qua đó cho thấy, trong tập ký này, biểu hiện và sự chi phối của đức nghĩa và trí nổi bật hơn so với đức lễ, nhân, tín: nghĩa (13/23 tác phẩm, chiếm tỉ lệ 56,5%), trí (9/23 tác phẩm, chiếm tỉ lệ 39,1%), lễ (5/23 tác phẩm, chiếm tỉ lệ 21,7%), nhân (4/23 tác phẩm, chiếm tỉ lệ 17,4%), tín (2/23 tác phẩm, chiếm tỉ lệ 8,7%) (Bảng 2).

roi mà không cần tạ ơn: “Tôi thương chị mất của mà về, tất bị chồng con đánh mắng, cho nên tôi trả lại cho chị, chứ tôi có mong chị trả ơn đâu”.⁴ Còn người mẹ của Giáp Hải, “Bà có mấy gian nhà tranh làm ở bên đường để những hành khách đi lại tạm trú”, sẵn sàng cho những lữ khách bần hàn, lỡ bước trên đường ở lại mà không lấy tiền.⁴

Nổi bật với đức nghĩa, các nhân vật trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề thường hiện lên với khí chất mạnh mẽ. Đó là những con người cương trực, có chính kiến, luôn suy nghĩ và hành động theo lẽ phải, sự công bằng, không vì cường quyền, phú quý, hay những thú vui tầm thường mà làm mất đi phẩm giá của bản thân. Tiêu biểu cho loại hình nhân vật có đức nghĩa là những nhà Nho có phong độ bề tôi can gián. Vũ Duy Chí thẳng thắn can gián Vương thượng không nên thực thi lễ nghi trái với lệ cũ: “Từ trước đến nay, Vương thượng vẫn

có lòng tôn phù nhà vua, vậy thì lễ nghi hôm nay chỉ nên tuân theo lệ cũ mặc áo thụng xanh, chứ không nên mặc triều phục, trái với lệ cũ” (*Truyện Tể tướng xã Mộ Trạch*).⁴ Không chỉ dừng lại ở lời nói, sự can gián của các nhân vật bề tôi còn thể hiện qua việc làm và hành động quyết liệt, như Thượng thư Vũ Đoán trong *Truyện ông Quế Am Vũ Đoán*. Thiên ký chép lại việc Vũ Đoán “dâng Chúa tập *Kim giám lục*, trong đó chủ yếu khuyên Chúa về những việc chính tâm, đồn tục, tri nhân, khứ sàm, lời lẽ rất là khẩn thiết. Chúa ban khen và gọi ông là trực thần (bầy tôi thẳng thắn)”.⁴ Đã thế, để khiến Chúa Trịnh Căn không còn mê chơi chọi gà với các hoạn quan, ông đã nói đi đôi với làm một cách dứt khoát: “- Ngày trước khi Chúa còn là Thế tử thì Chúa chỉ biết có ta chứ có biết các anh là người nào. Ngày nay các anh đem những trò chơi ra để mê hoặc Chúa phòng? Nói xong, ông liền lấy tay vặn cổ gà chết tại chỗ. Hoạn quan chạy vào tâu, Chúa lặng im đứng dậy và ra lệnh bỏ trò chơi chọi gà”.⁴ Đọc *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề, người đọc sẽ còn bị hấp dẫn trước những danh thần đầy nghĩa khí, không chịu khuất phục trước quân giặc hoặc những kẻ đại diện cho ngụy triều. Đó là cha con Lê Cảnh Tuân và Thái Diên luôn giữ lòng trung với nhà Trần, chống lại quân Minh, khiến cho “Người Minh tức giận, bắt hai bố con ông đem giam vào ngục ở Kim Lăng. Sau, cả hai cha con đều chết ở trong ngục” (*Truyện Lê Cảnh Tuân – phụ chép truyện Quang Bí, Thúc Hiến, Thiếu Dĩnh*).⁴ Là Lương Hữu Khánh chấp nhận gian khổ chứ không chấp nhận làm quan cho nhà Mạc: “Viên quan ấy thấy ông khác thường, cho ông năm quan tiền và tiễn cử ông lên triều đình ngụy triều (chỉ triều nhà Mạc), sai người tìm đủ mọi cách dỗ ông, nhưng ông nhất định không chịu làm quan nhà Mạc. Từ đó mẹ con phiêu bạt, nay đây mai đó, xúc cảnh hưng hoại, tân khô không thể kể hết được” (*Truyện Thượng thư Lương Hữu Khánh*).⁴ Hay là Trương Phu Duyệt kiên quyết tỏ rõ thái độ bất hợp tác với ngụy triều nhà Mạc cả khi đang làm quan cũng như đã cáo quan: “Cuối đời Thống Nguyên, Mạc Đăng Dung muốn cướp ngôi, bấy giờ ông đang làm Lại bộ Thượng thư. Các quan đình thần thấy ông là nguyên lão cố thần, xin ông thảo chiếu nhường ngôi. Ông từ chối thẳng thừng rằng: - Thế là nghĩa lý gì? Và ông nhất định không thảo. Sau, các quan phải bảo Nguyễn Văn Thái làm. Sau khi họ Mạc tiếm ngôi, ông cáo quan về ở quê nhà, ngày tháng rong chơi, mặc quần nâu áo vải như những người nhà quê. Một hôm, quan huyện Thanh Miện đi qua làng ông, mọi người đều đứng dậy, còn ông thì vẫn ngồi yên [...]. Ông không quy phục nhà Mạc, vì ông có chính khí, tiết nghĩa”

(*Truyện Thượng thư Trương Phu Duyệt*).⁴ Những người có đức nghĩa luôn biết xem xét lại những việc ngỡ là chưa đúng, như *Truyện Tham nghị Vũ Đăng Hiến* ghi chép lại việc Tả sử Nguyễn Văn Phong “ngờ rằng, từ trước đến nay, làng Mộ Trạch đồ nhiều, tất là có mảnh khoe riêng. Ông xin làm Đề điều trường thi Hải Dương đề dò xét, triều đình chuẩn y”, “và từ đó ông mới tin rằng Mộ Trạch là đất đời đời sản xuất danh Nho, mà văn chương có mực thước chung, trước kia không có tư vị điều gì”.⁴ Khi cần thiết, họ cũng là những con người quyết đoán, đủ dũng khí thực hiện “tiền trăm hậu tâu” để trừ gian diệt bạo, đáng chú ý như nhân vật Trần Thường: “Bấy giờ ở xứ Nghệ An có một Quốc cửu cậy thế ngang ngược, không sợ hãi ai và làm nhiều điều phi pháp [...]. Từ khi Trần Thường đến làm Hiến sát xứ này, thì Quốc cửu lại càng làm bậy, đơn kiện hấn càng nhiều. Ông bèn mật sai người lừa bắt Quốc cửu đem về, tra hỏi đích xác, rồi lấy roi đánh chết”.⁴ Và trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề, những người trọng nghĩa còn thường khinh tài, xem thường sắc dục để giữ vững chính kiến, phẩm giá, có thể kể đến một loạt những nhân vật tiêu biểu như: Nguyễn Phúc Ngộ (*Truyện mộ tổ ở Vĩnh Kiều – phụ chép truyện Hiến Tích*), Vũ Tự (*Truyện vị công thần liêm tiết*), Vũ Công Đạo (*Truyện Thượng thư Vũ Công Đạo*), Mẹ Trạng nguyên Giáp Hải (*Truyện Trạng nguyên xã Đình Kế*).⁴

Ở đức lễ, nhân vật trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề là những người hiểu rõ và thực thi các nghi thức, quy tắc ứng xử giữa con người với con người trong ngũ luân theo quy định của lễ giáo phong kiến. Có nhân vật chỉ được tác giả giới thiệu chung chung về biểu hiện có đức lễ ở đầu tác phẩm: “Vũ Hữu là người sùng thượng đạo cổ, giữ gìn lễ phép, học rộng biết nhiều, đỗ Hoàng giáp khoa Quý Mùi (1463 niên hiệu Quang Thuận thứ 4), làm việc ở các tào trong ngoài, có nhiều thành tích và lần lượt làm Thượng thư năm Bộ” (*Truyện Thượng thư Vũ Hữu – phụ chép truyện Vũ Dự*).⁴ Có nhân vật nổi danh tiết liệt như Phạm Noãn, được tác giả thuật lại cụ thể về việc trọng lễ mà quyết thủ tiết: “Năm mười lăm tuổi, nàng kết hôn với một người họ Lê ở xã Phù Ủng, huyện Đường Hào, rồi sinh được bốn con vừa trai vừa gái. Sau chồng nàng bị ốm chết. Nàng quyết tâm thủ tiết, thờ chồng nuôi con, thề không bao giờ tái giá. Cảnh đời cay cực, lòng dạ sắt đá không sao tả hết được”.⁴ Trọng lễ, nổi bật trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề là những người con chí hiếu. Có người thật đáng kính như Trạng nguyên Giáp Hải: từ khi tìm lại được mẹ, ông “sớm tối phụng dưỡng cho trọn đạo hiếu” (*Truyện Trạng*

nguyên xã Đình Kê); hay như Tham nghị Vũ Đăng Hiến: “Vì có bố mẹ già, ông xin từ chức để về phụng dưỡng” (*Truyện Tham nghị Vũ Đăng Hiến*).⁴ Có người vừa đáng trọng lại vừa đáng thương, như trường hợp Nguyễn Toàn An: khi bố mất, ông “thù chế ba năm, không dám gần vợ. Đến khi hết tang thì ông mất, thành ra tuyệt tự” (*Truyện Bàng nhân Nguyễn Toàn An*).⁴

Có được đức trí, nhân vật trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề lại hấp dẫn độc giả ở hiểu biết sâu sắc, khả năng phân biệt đúng – sai, tốt – xấu để có thể nhận thức rõ bản chất sự việc, đưa ra những quyết định sáng suốt và hành động đúng đắn. Cái trí của nhân vật Duy Tài nằm ở sự mưu lược trong giao chiến. Biết quân giặc có tính hiếu sắc nên ông đã dùng mỹ nhân kế để thắng được giặc Tàu trong trận thủy chiến Đàm Hồng: “Trước khi giao tranh, ông dùng kế mỹ nhân, sai người đi các nơi tuyển mộ được 300 ả đào, cho xuống thuyền giặc ca hát giúp vui. Nhưng trước khi xuống, ông đã chỉ bảo kế hoạch, giao cho mỗi người một tấm khăn hồng, đợi khi bọn giặc say rượu ngủ thì lấy khăn thấm nước nhét vào miệng súng thần công...” (*Truyện Tể tướng xã Mộ Trạch*).⁴ Cái trí của nhân vật Vũ Hữu lại ở sự am tường về toán pháp: “Ông lập ra các phép đại thành toán pháp và phép đo đạc ruộng đất để dạy người trong nước”; giúp vua Thánh Tông tính chính xác số gạch dùng vào việc tu sửa cửa thành Đoan Môn, Đại Hưng, Đông Hoa (*Truyện Thượng thư Vũ Hữu – phụ chép truyện Vũ Dự*).⁴ Nhiều nhân vật tài trí trong tập ký có khả năng ứng biến trước những hoàn cảnh cụ thể, những tình huống có vấn đề một cách tức thời, như Trịnh Thiết Tường trong *Truyện Thượng thư Trịnh Thiết Tường*, hay Vũ Đoán trong *Truyện ông Quế Am Vũ Đoán*. Trịnh Thiết Tường đi sứ sang Trung Quốc. Khi về nước, nhà Minh ban cho ông con ngựa bị trói lại một chân, “Họ bảo ông lên ngựa mà đi, nếu ngựa không đi được thì ông phải ở lại Trung Quốc, và rồi “Ông bèn nghĩ được một kế: sai hành nhân làm một miếng gỗ giống như chân ngựa, rồi lấy dây sắt buộc vào chân ngựa bị trói để chống đỡ. Ông ra roi đánh ngựa thật mạnh. Ngựa chạy ba chân, còn một chân đã có miếng gỗ chống đỡ nên không bị ngã. Sau khi đi được hơn một dặm, Thiên triều khen ông có tài ứng biến, bèn cho cởi trói chân ngựa ra, rồi ông cùng Trạng nguyên theo thứ tự mà về”.⁴ Còn như Vũ Đoán lại được biết đến với trí ứng khẩu sắc bén: “Ông được cử làm Tiếp bạn, đề cùng sứ giả xướng họa trong khi đi đường. Từ bến sông Nhị đến cửa điện, ông xướng và họa hơn hai mươi bài thơ, Bắc sứ lấy làm kính trọng. Đến khi Bộ Lễ thết tiệc, Bắc sứ hạch sách đòi rượu, ông ứng khẩu ngâm rằng: *Bão ngô cá đức chân giai vị,*

Hà tất giang đình vấn nhất bôi. Nghĩa là: No đức của ta là giai vị, Việc gì giang đình hỏi một chén. Bắc sứ khen thưởng, làm lễ xong đi ngay”.⁴ Về đức trí trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề, ta còn thấy có cả cái trí thuộc về kinh nghiệm dân gian chứ không phải thuộc tư chất thông minh bẩm sinh hay từ việc cố công học tập, vận dụng kinh sách của thánh hiền, nhân vật người tùy tùng của Lê Như Hồ trong *Truyện Thượng thư Lê Như Hồ* là một ví dụ. Đề cầu được mưa cho vua Minh, anh đã ứng đối: “- Hạ thần có phép, nhưng phải chọn ngày tốt mới làm được. Rồi ngày ngày, anh lên đi các nơi xem triệu chứng ra sao. Đến khi thấy rễ cây si đã trắng toát và cỏ gà có nốt trắng, biết rằng trời sắp mưa. Anh bèn xin vua cho lập đàn để cầu đảo. Vừa tế xong thì mưa xuống như trút nước”.⁴ Bên cạnh đó còn xuất hiện những nhân vật tài giỏi là Trạng xuất thân từ dân gian, như Trạng vật Vũ Phong (*Truyện Trạng vật*), Trạng cờ Vũ Huyền (*Truyện Trạng cờ*).⁴

Về khía cạnh đức tín, trong *Công dư tiếp ký*, Vũ Phương Đề không tập trung ghi chép, xây dựng những tấm gương có đức này mà chỉ đề cập đến đức này một cách thoáng qua ở biểu hiện của một số nhân vật thất tín. *Truyện mộ tổ nhà Trần* kể việc Nguyễn Cổ được một thầy địa lý Trung Quốc cho một ngôi đất để vương để cải táng mộ tổ vào chỗ ấy với giao ước: “- Nhà ông có phúc may được gặp tôi thì tôi cho ông. Nhưng sau khi táng rồi, ông phải trả ngay tôi một trăm quan tiền, và về sau lấy được nước, ông phải chia cho tôi một nửa”, nhưng “Đến hẹn, khách tới nhà, Cổ liền bắt trói lại, rồi đang đêm đem vớt xuống sông”; sau đó, một người đánh cá họ Trần vì cứu vớt thầy địa lý này nên đã được thầy tìm cách lấy lại ngôi đất quý ấy biểu cho.⁴ Ở một ví dụ khác, như trong *Truyện Trâu Canh ở xã Tử Trầm*, nhân vật Trâu Canh cũng thất tín. Được chủ khách Trung Quốc cho một “ngôi phúc địa” để làm nhà, nhưng “Từ khi được vua sủng ái, ông quên mất lời dặn của chủ khách, không dỡ nhà đem đi chỗ khác. Sau, con ông thông dâm với cung nữ. Việc phát giác, con ông bị tử hình, còn ông thì bị đuổi về. Gia tư điền sản bị tịch thu hết, ông lại đói rét như ngày trước”.⁴

Từ những khảo sát, thống kê, phân tích ở trên, chúng tôi khẳng định: dù không được thuần nhất nhưng những biểu hiện của phương diện thiên đức trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề vẫn thiên về nội dung quan niệm thiên mệnh của học thuyết Nho giáo. Và loại hình nhân vật Nho sĩ, nhất là những người thuộc dòng họ Vũ là đại diện tiêu biểu có được những phẩm chất tốt đẹp trong thiên đức (Bảng 3).

Bảng 3. Thống kê nhân vật có biểu hiện và sự chi phối của thiên đức trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề.

Nhân vật có biểu hiện và sự chi phối của thiên đức trong Công dư tiệp ký của Vũ Phương Đề		Họ tên nhân vật	Số lượng nhân vật	Tỉ lệ (%)	
Nho sĩ	Người họ Vũ	Vũ Hữu, Vũ Dự, Vũ Duy Chí, Vũ Duy Tài, Vũ Tụ, Vũ Đoán, Vũ Công Đạo, Vũ Đăng Hiền, Vũ Quỳnh.	9/22	40,9	84,6
	Người họ khác	Trần Thường, Lương Hữu Khánh, Lê Nại, Nguyễn Toàn An, Trịnh Thiết Tường, Giáp Hải, Lê Như Hồ, Quách Giai, Nguyễn Văn Phong, Lê Cảnh Tuân, Lê Thiếu Dĩnh, Trương Phu Duyệt, Nguyễn Giám sinh.	13/22	59,1	
Thường nhân		mẹ của Duy Chí, mẹ của Giáp Hải, người tùy tòng của Lê Như Hồ, Phạm Noãn.	4/26	15,4	

Trong số 26 nhân vật được ghi chép có biểu hiện và sự chi phối của thiên đức thì nhân vật Nho sĩ chiếm số lượng áp đảo (22/26, chiếm 84,6%), còn lại là nhân vật thường nhân (4/26, chiếm 15,4%). Và trong loại hình nhân vật Nho sĩ, riêng số lượng nhân vật là người họ Vũ đã có tới 9/22, chiếm 40,9%. Dù vô danh hay hữu danh, họ đều là những nhân vật chính diện được ca ngợi, đề cao; là những tấm gương sáng được Vũ Phương Đề ghi chép chủ yếu trong những tác phẩm ký thuộc môn loại, đề tài về thế gia, danh thần, danh Nho, tiết nghĩa, tiết phụ. Đó hẳn không phải là sự ghi chép một cách hoàn toàn ngẫu nhiên mà ít nhiều có sự lựa chọn, thể hiện tâm thế của một nhà Nho hành đạo luôn quan tâm, xem trọng đạo đức Nho giáo. Qua những tấm gương về thiên đức có thật trong lịch sử hiện lên sinh động trong từng thiên ký, Vũ Phương Đề chẳng những tỏ rõ lòng tự hào, tự tôn dân tộc nói chung mà còn tự hào về quê hương Hải Dương và dòng họ Vũ của mình nói riêng. Với ông, thiên đức trong quan niệm thiên mệnh của Nho giáo vẫn được khẳng định là rường cột, nền tảng tinh thần chủ đạo để thiết lập, duy trì trật tự xã hội phong kiến, giúp cho quốc thái dân an. Điều này khác với nhiều tác phẩm ký ở giai đoạn sau này (cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX), khi các tác giả lại tập trung ghi chép sự xuống cấp, suy đồi trầm trọng của

xã hội phong kiến, trong đó có giai cấp thống trị, mang tinh thần phản Nho: *Thượng kinh ký sự, Tang thương ngẫu lục, Vũ trung tùy bút*,...

Với sự hiện diện đầy đủ các khía cạnh biểu hiện, phương diện thiên đức đã đóng góp cho *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề một hệ thống chủ đề nổi bật mang tính quan phương, thiên về ngợi ca đạo lý, truyền thống dân tộc; thể hiện lòng tự tôn, tự hào về bản thân, dòng tộc, quê hương, đất nước. Đó cũng là “niềm cảm hứng chủ đạo, quán xuyến các tác giả trong mạch chảy của văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại”.⁵ Phương diện thiên đức đã ngầm chi phối đến nhiều yếu tố trong phương thức nghệ thuật của tập ký. Trước hết, trong nghệ thuật xây dựng nhân vật, tùy vào mỗi đức mà các nhân vật sẽ có biểu hiện ngôn ngữ, hành động khác nhau. Ví như ở đức nhân, nhân vật thường xuất hiện với lời nói và hành động ân cần, từ tốn, chân thành. Với đức nghĩa, nhân vật lại có ngôn ngữ đầy khẩu khí và hành động dứt khoát. Hay có được đức trí, nhân vật lại thường rất hoạt ngôn, hoạt bát... Từ ngôn ngữ của nhân vật nói riêng đến ngôn ngữ của người trần thuật nói chung, đều phù hợp với những nhân vật có thiên đức, Vũ Phương Đề còn sử dụng nhiều điển cố nhân danh, thư danh, địa danh, cùng với đó là hệ thống từ ngữ chỉ tên triều đại, vua chúa, niên

hiệu, khoa bảng, chức tước, vùng miền,... khiến cho tập ký có giá trị khảo cứu rõ rệt, nhất là về phương diện lịch sử, văn hóa, địa lý. Bên cạnh đó, những kiểu không gian nghệ thuật nổi bật làm phong nền cho sự xuất hiện, biểu hiện phẩm chất của nhân vật có thiên đức trong tập ký là không gian trường thi, cửa quan, cung đình, chiến trường. Gắn với đặc trưng thể loại ký là đề cao sự thực, khi ghi chép phần lớn những con người có thực trong lịch sử, dòng tộc họ Vũ, Vũ Phương Đề đã lựa chọn, xây dựng trong tập ký chủ yếu là kiểu thời gian khách quan, nổi bật là thời gian lịch sử. Ở đó, hành trạng nhân vật thường gắn liền với các sự kiện cụ thể, thời khắc cụ thể về ngày giờ, năm tháng, niên hiệu... Chịu sự chi phối từ cơ tầng văn hóa sâu xa là phương diện thiên đức trong quan niệm thiên mệnh, vậy nên dù là tập hợp của những tác phẩm ký với quy mô đoàn thiên, được ghi chép nhanh (tiếp ký) nhưng *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề

nhìn chung vẫn có được sự đa dạng, sinh động mà thống nhất về phong cách.

2.2.2. Biểu hiện và sự chi phối của phương diện thiên đạo trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề

Vấn đề thiên mệnh trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề còn được thể hiện qua phương diện thiên đạo. Cũng như phương diện thiên đức, trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề có đầy đủ các khía cạnh biểu hiện và sự chi phối từ phương diện thiên đạo: thiên cơ, thiên thời, thiên luật, thiên ý. Tiến hành khảo sát, thống kê tập ký, chúng tôi nhận thấy biểu hiện và sự chi phối của các khía cạnh trong phương diện thiên đạo có mức độ đậm nhạt khác nhau, và nổi bật hơn cả là khía cạnh thiên luật: thiên cơ (3/22 tác phẩm, chiếm tỉ lệ 13,6%), thiên thời (3/22 tác phẩm, chiếm tỉ lệ 13,6%), thiên luật (15/22 tác phẩm, chiếm tỉ lệ 68,2%), thiên ý (5/22 tác phẩm, chiếm tỉ lệ 22,7%) (Bảng 4).

Bảng 4. Thống kê biểu hiện và sự chi phối của phương diện thiên đạo trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề.

Các khía cạnh biểu hiện và sự chi phối của phương diện thiên đạo trong <i>Công dư tiếp ký</i> của Vũ Phương Đề	Số lượng tác phẩm	Tỉ lệ (%)
<i>Thiên cơ</i>	3/22	13,6
<i>Thiên thời</i>	3/22	13,6
<i>Thiên luật</i>	15/22	68,2
<i>Thiên ý</i>	5/22	22,7

Ở khía cạnh thiên cơ, dù chỉ có 3 tác phẩm liên quan nhưng *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề đủ giúp người đọc hình dung ra kiểu tư duy nổi bật của con người thời trung đại vẫn còn giữ niềm tin sâu đậm vào sự sắp đặt của tạo hóa. Con người có một niềm tin cố hữu, rằng trời luôn sắp xếp trước mọi việc liên quan đến cả cộng đồng hoặc cá nhân mỗi người, và điều đó khó ai mà biết rõ. Ví như nhân vật Vũ Đoán, khi bị Chúa thất sủng bởi tính cương trực, ông đã cho rằng đó là do sự chi phối từ trong huyền cơ, được nhào nặn bởi bàn tay con tạo: “Trong bài văn tế sống của Vũ Duy Đoán có những câu như: “Làm cho vua hay như Nghiêu, Thuấn, Đường, Ngu. Minh có nhiệm vụ như Cao, Quý, Tắc, Tiết. Trong bụng sẵn có sách lược trị bình, muốn đem thi thố. Còn những sự đầy vơi ở trong huyền cơ rất khó biết rõ”. Ông đồ sự đầy vơi cho

huyền cơ của tạo hóa, chứ không oán trách ai, thế là ông cũng có ý trung hậu của cổ nhân vậy” (*Truyện ông Quế Am Vũ Đoán*).⁴ Ai cũng mong muốn biết trước thiên cơ liên quan đến bản thân để biết cái hướng sự việc sẽ xảy ra mà có cách ứng xử cho phù hợp. Nhưng vì khó đoán định nên con người ta mới cho rằng chỉ những ai có năng lực phi phàm mới có thể biết trước được thiên cơ. Và nhân vật thần tiên trong tập ký này là những con người có được năng lực ấy. Trong *Truyện Thượng thư Vũ Công Đạo*, Vũ Phương Đề chép lại việc một bà lão tự xưng là “tiên nhân giáng hạ” đã tiết lộ cho mọi người biết trước thiên cơ về kết quả khoa thi sắp tới: “- Ta là tiên nhân giáng hạ, khoa này đỗ bao nhiêu Tiến sĩ ta đã biết cả rồi [...]. Mọi người đều cho là nói láo, chẳng ai tin. Đến khi yết bảng, đúng như lời bà lão nói, những người thức giả đều cho

là việc gì cũng có tiền định, mà việc yết bảng các Tiên sĩ ở cửa Thiên đình không phải là việc ngoa truyền”.⁴ *Truyện Thám hoa Quách Giai* lại kể việc tên ăn trộm nghe được hai thần nhân ở trong đền tiết lộ chuyện một Thám hoa được giáng sinh xuống làng này, người đó là Quách Giai: “- Vừa rồi, tôi lên châu Thượng Đế. Các tào đang họp bàn về việc cho một Thám hoa giáng sinh xuống làng này trong đêm nay”.⁴ Cả hai thiên ký đều đề cập đến vấn đề khoa cử trong hệ thống Nho học thời phong kiến, tuy nhiên sự sắp đặt trước về việc đỗ đạt hay không ở đây không đến từ một thế lực siêu nhiên vô hình gọi chung là trời như trong quan niệm thiên mệnh của Nho giáo, mà lại do một nhân vật siêu nhiên hữu hình, hữu danh là Ngọc Hoàng Thượng Đế, tồn tại trong một không gian cụ thể là Thiên đình, gắn với sự lo âu của các nhân vật thần tiên. Đây lại là biểu hiện của quan niệm thiên mệnh theo tín ngưỡng dân gian, Đạo giáo và cả Phật giáo. Là bởi, trong tín ngưỡng dân gian và Đạo giáo ở Trung Quốc, Việt Nam, cùng nhiều nước Đông Á khác, Ngọc Hoàng Thượng Đế được xem là vị vua tối cao của Thiên đình, cai quản, quyết định mọi sự trên đời. Với văn hóa Việt Nam, đây cũng là nhân vật được phối thờ trong Phật giáo, tín ngưỡng thờ Mẫu như một vị thần đứng đầu.

Cùng liên quan đến khía cạnh thiên thời, 3 thiên ký trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề đã ghi chép về 3 con người với những biểu hiện phong phú. Nhân vật Hiên Tích trong *Truyện mô tô ở Vịnh Kiều – phụ chép truyện Hiên Tích* hiện lên là một người gặp thời, luôn gặp may khi tham gia các kỳ thi: “Nay Hiên Tích lấy chữ Nôm được đỗ, có lẽ là một việc ngoa truyền. Hoặc giả thời bấy giờ thi cử không có quy củ cho nên mới có sự lạ ấy. Nhưng qua đó dễ thấy học là ở người, còn đỗ hay hỏng là do số phận”. Trong lời bình đàm này, tác giả đã nhắc đến quan niệm về số phận. Đây là quan niệm thiên về tín ngưỡng dân gian, theo đó mọi người tin rằng: mỗi người đều có một số phận đã được định sẵn bởi trời mà khó ai có thể thay đổi được, chỉ còn biết chấp nhận. Dù ít nhiều vẫn còn thừa nhận sự chi phối vô hình từ một quyền lực siêu nhiên, nhưng với lý tưởng tích cực nhập thế, thể hiện trách nhiệm cao cả của bản thân đối với cộng đồng, đứng trước thiên thời, Nho giáo sẽ khuyên con người ta cố gắng vượt qua khó khăn bằng hành động tu dưỡng đạo đức của bản thân chứ không chấp nhận buông xuôi, hay mong vượt qua bằng hành động cầu khẩn thần linh như trong quan niệm của dân gian. Đến nhân vật Vũ Quỳnh trong *Truyện Thượng thư Vũ Quỳnh – phụ chép truyện Vũ Hàn* lại được các nhân vật khác trong thiên ký đánh giá là người

không chỉ gặp thời mà còn biết hành động theo lẽ tùy thời: “Nho khoa sớm đỗ gặp thời thịnh trị/ Đạo đức đáng tôn làm thầy quốc học”, “Đường đường đời thánh một nhà Nho danh tiếng lớn/ Lúc làm quan, lúc thôi quan đều tùy thời thả chí tự do”.⁴ Trong quan niệm thiên mệnh của Nho giáo, biết hành động theo lẽ tùy thời như Vũ Quỳnh cũng chính là hợp với thiên đạo. Còn nhân vật Đinh Tiên Hoàng trong *Truyện Đinh Tiên Hoàng*, từ nhỏ đã là người thức thời, biết chớp thời cơ. Cụ thể, thiên ký ghi chép việc Đinh Bộ Lĩnh được thầy địa lý bên Tàu treo giải thưởng cho lặn xuống đầm ở động Hoa Lư để xác minh sự tồn tại hay không của một thần vật, cũng là một ngôi huyệt quý. Và trong thời gian thầy địa lý trở về nước để lấy hải cốt của cha sang nước ta táng vào huyệt quý ấy thì Đinh Bộ Lĩnh đã kịp thời thực hiện trước điều đó: “Lúc ấy tuy còn ít tuổi, nhưng ông rất thông minh. Nghe bọn khách nói chuyện với nhau, ông hiểu ngay là huyệt ở mồm ngựa, không còn hồ nghi gì. Đợi cho họ đi rồi, ông đem gói xương ở gác bếp xuống, lấy cỏ bao bọc chung quanh, rồi lặn xuống để vào mồm ngựa, ngựa bèn ăn hết ngay [...]. Cách mấy năm sau, thầy địa lý đem xương bố ở Trung Quốc sang, tìm đến chỗ đầm ấy để mai táng. Nghe nói Đinh Bộ Lĩnh đã trở thành bậc anh tài cái thế, thủ hạ có hơn một nghìn người, thầy địa lý biết ngay là họ Đinh đã táng huyệt ấy rồi. Thầy uống phí bao nhiêu công sức, thầy căm tức lắm”.⁴ Là người thức thời, nhưng cái cơ hội đến với Đinh Bộ Lĩnh lại gắn với thuật xem phong thủy, niềm tin táng cốt tiên nhân vào cát huyệt thì sẽ được vinh hiển, thịnh vượng. Vậy nên, khía cạnh thiên thời trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề ở đây còn mang dấu ấn quan niệm của tín ngưỡng dân gian và Đạo giáo.

Như đã thống kê ở trên, thiên luật là khía cạnh có biểu hiện và sự chi phối nổi bật nhất trong phương diện thiên đạo của *Công dư tiếp ký*. Ở đó, chúng ta nhận thấy, mọi hành vi của con người đều phải tuân theo những phép tắc, chuẩn mực nhất định; và thưởng - phạt, gặp điều lành - dữ hay phúc - họa chính là cán cân cho việc thực thi lẽ công bằng. Liên quan đến quan niệm thiên luật theo tư tưởng Nho giáo, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề đã mở ra cho độc giả thấy được vai trò tối quan trọng của vua, bởi họ chính là người thay trời hành đạo, thừa hành thiên luật. Trong số 15 tác phẩm có biểu hiện và chi phối bởi khía cạnh thiên luật thì có tới 8 tác phẩm đề cập đến việc vua là người trực tiếp thực hiện sự công bằng. Với những Nho sĩ cổ công học tập, không ngừng tu dưỡng đạo đức, tích cực nhập thế thì sẽ được vua ban tước, thăng quan tiến chức, hanh thông trên

bước đường hoạn lộ: vì luôn giữ liêm tiết, Vũ Tụ được vua cho “làm đến Tả Thị lang Bộ Hình, tước Liêm tiết công thần” (*Truyện vị công thần liêm tiết*); sẵn sàng trừ gian diệt bạo, Trần Thường được vua khen: “- Triều đình đặt chức quan để coi dân. Nay Hiến ti trừ hại cho dân, thế là xứng đáng với chức phận”, và ông “làm đến Tả Thị lang Bộ Lại”, “được tặng Thiệu Bảo Hương Quận công” (*Truyện Thiệu bảo Trần Thường*); là người cương trực, Quế Am Vũ Đoán làm đến Thượng thư, được tặng Tả Thị lang (*Truyện ông Quế Am Vũ Đoán*).⁴ Dù là trí thức hay thường dân, nếu biết dùng tài năng của mình để lập được công trạng đối với triều đình, quốc gia thì đều được vua khen thưởng, trọng dụng: Vũ Hữu được vua Lê Thánh Tông khen là “thần toán”, “thường cho ông hơn một trăm mẫu ruộng tốt để biểu dương tài năng của ông” (*Truyện Thượng thư Vũ Hữu – phụ chép truyện Vũ Dự*,); Lương Hữu Khánh “lập được nhiều công to, làm Trung hưng danh thần và làm đến Binh bộ Thượng thư (*Truyện Thượng thư Lương Hữu Khánh*); Vũ Phong được vua khen “có sức khỏe và lấy chức tước của lực sĩ đem phong cho ông. Sau ông làm đến Cẩm y vệ úy Chi huy sứ” (*Truyện Trạng vật*); Vũ Huyền giúp vua đánh cờ thắng được Bắc sứ, giúp đất nước thoát khỏi giao ước bị Trung Quốc đem quân sang đánh, “Xong việc, vua trọng tài năng của ông, gọi ông là Trạng cờ và đãi ngộ rất hậu” (*Truyện Trạng cờ*).⁴ Người biết tuân thủ, giữ gìn lễ giáo, dù là nữ nhân cũng được vua ghi nhận xứng đáng, như trường hợp Phạm Noãn: “Năm đầu Thái Hòa (1443) đời Lê Nhân Tông, triều đình hạ chiếu hỏi đến những người trinh tiết. Các quan sở tại đem tên nàng tâu lên, triều đình ban cho nàng tấm biển đề chữ “Tiết phụ môn” treo ở cửa và cho một người hầu hạ lúc tuổi già. Bà mất năm tám mươi sáu tuổi. Con cháu đời đời làm quan, thành ra một họ danh vọng trong làng” (*Truyện người tiết phụ làng Phù Ủng*).⁴ Trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề còn có biểu hiện và sự chi phối của khía cạnh thiên luật đến từ quan niệm của Phật giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian. Ở đó, người đứng ra thực thi lễ công bằng không phải là vua hay trời nói chung mà là Ngọc Hoàng Thượng Đế, Phật, thần thánh, hay thầy địa lý. Ngọc Hoàng Thượng Đế (Thiên Đế) bằng sự trợ giúp của Phật, thần sẽ thưởng – phạt phân minh với tất cả mọi người. Điều đó có thể được thực thi ngay trước mắt: Thượng Đế cùng Lôi Thần, Táo thần trị tội Cường bạo Đại Vương (*Truyện Cường Bạo Đại vương*); hoặc có khi được thực hiện ở kiếp sau: sư Huyền Minh trụ trì chùa Quang Minh, một đêm nằm ngủ, “mơ thấy Phật Di Đà giảng xuống điện thờ, triệu ông đến bảo rằng: - Nhà ngươi có

công với Phật giáo, đến nay đã được nhiều năm. Tấm lòng từ bi của người đã thấu đến Thượng Đế. Kiếp sau ngươi được giảng sinh xuống làm vong quốc Hoàng Đế” (*Truyện chùa Quang Minh làng Hậu Bổng*).⁴ Với các thầy địa lý am tường về phong thủy thì cát huyệt chính là phần thưởng xứng đáng các thầy dành cho những ai có đức tính tốt đẹp: vì “bình sinh hay làm việc thiện” nên Nguyễn Phúc Ngô được người khách Trung Quốc nhờ thầy địa lý tìm cho ngôi đất tốt để an táng, bởi vậy, con cháu đời sau có nhiều người đỗ đại khoa, làm quan to (*Truyện mộ tổ ở Vĩnh Kiều – phụ chép truyện Hiến Tích*); hay như mẹ của Giáp Hải thường giúp đỡ người nghèo khó nên được người khách Trung Quốc đền ơn bằng việc “tìm một ngôi đất tốt” để di táng hài cốt của bố bà vào đó, nhờ thế con bà là Giáp Hải đỗ Trạng nguyên (*Truyện Trạng nguyên xã Đình Kế*).⁴ Qua việc thực thi thiên luật, quan niệm ở hiền gặp lành của dân gian và quan niệm nhân quả báo ứng trong triết lý Phật giáo cũng là điểm nhấn nổi bật của *Công dư tiếp ký*: vì có lòng nhân nên mẹ của Duy Chí sinh được năm người con trai và ai cũng công thành danh toại (*Truyện Tế tướng xã Mộ Trạch*); người con trai “chỉ vì một con gà mà định làm hại mẹ. Trong chốc lát, tai vạ đã ập đến bản thân, đạo trời báo ứng rất là nhanh chóng” (*Truyện yêu quý gà*); những người bị ông lão mang lột hổ ăn thịt đều do Thiên Đình định số, “Những người ấy hoặc kiếp trước có nghiệp chướng, hoặc kiếp này phạm nhiều tội ác, cho nên Thiên Đế mượn tay ta để thi hành ác báo” (*Truyện ông lão mang lột hổ*).⁴

Với khía cạnh thiên ý trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề, dù chỉ với 5 tác phẩm có liên quan, nhưng đây là khía cạnh có biểu hiện và chi phối đến nhiều vấn đề trong xã hội, từ những vấn đề thế sự mang phạm vi rộng lớn đến những vấn đề đời tư mang phạm vi nhỏ hẹp hơn. Ở đó, chúng ta nhận ra có một quy luật, một thể lực tối cao gọi chung là trời đang ngầm quyết định, điều khiển tất cả những gì liên quan đến con người. Đứng trước một vấn đề lớn lao, tác động đến cả xã hội, thời cuộc là sự hưng vong của các triều đại, qua sáng tác, Vũ Phương Đề đã viện dẫn, lý giải điều này bằng quan niệm thiên mệnh của Nho giáo, cụ thể qua khía cạnh thiên ý. Theo họ Vũ, dù có liên quan tới quan niệm phong thủy, nhưng suy cho cùng, lý do khiến nhà Trần hưng hay vong là do mệnh trời: “Xét ra nhà Trần trị vì chỉ được từng ấy năm, đó là do ở mệnh trời, chứ sức người làm thế nào được” (*Truyện mộ tổ nhà Trần*).⁴ Điều đó nằm ngoài ý muốn chủ quan của con người, con người vì thế chỉ còn biết thuận theo ý trời. Quan niệm này chúng ta cũng đã từng thấy xuất hiện

trong các tác phẩm văn xuôi chữ Hán trước đó. Như trong tập *Truyện kỳ mạn lục*, ở tác phẩm *Câu chuyện ở đền Hạng vương*, qua cuộc đối đáp giữa Hồ Tôn Thốc và Hạng vương, Nguyễn Dữ đã mượn lời nhân vật mà xác tín về sự thịnh suy, hưng vong của các triều đại là bởi ý trời: “Nhưng rồi Sở phải chết vì Hán, há chẳng phải là bởi trời ư? Vậy thì khi trời định giúp Hán, dù kẻ thối kèn, dật chiếu cũng đủ để thành công; khi trời định diệt Sở, dù người cất vạc, nhổ núi cũng khôn thể nói giỏi... Vậy sự hưng vong của Hán, Sở chỉ là do ở sự may rủi của trời mà thôi, há nên lấy thành bại mà so bì ư?”. Ở một phạm vi nhỏ hẹp hơn là trong gia đình, dòng tộc, khía cạnh thiên ý cũng được họ Vũ dùng để lý giải về vấn đề dài – ngắn của một kiếp người, như trường hợp Nguyễn Toàn An trong *Truyện Bàng nhân Nguyễn Toàn An*, vì đoán mệnh mà không có người thừa tự, nổi đời tông đường. Mượn lời thơ của một nhân vật khác là Quang Bí trong thiên ký, tác giả đã biện minh cho bi kịch của Nguyễn Toàn An là bởi ý trời đã định: “Dưới đất sửa văn biết có mệnh trời/ Tài hơn thọ kém, đó là tự trời, biết làm thế nào”.⁴ Theo tác giả, ngay cả vấn đề hợp tan trong đời sống con người cũng là bởi thiên ý: “- Ta một đời phiêu dạt, không biết có mẹ. Nay mới được gặp, thực là có trời. Nếu không phải là đồng khí tương cầu thì sao lại được thế?” (*Truyện Trạng nguyên xã Dĩnh Kế*).⁴ Đó là lời nói đầy xúc động của nhân vật Giáp Hải lúc gặp lại được mẹ sau bao nhiêu năm thất lạc. Chính nhân phẩm tốt đẹp của hai mẹ con họ đã thấu cảm đến trời; được trời soi xét, đền đáp bằng cuộc tái ngộ và có được cuộc sống như ý. Đó cũng là quy luật bù trừ, lẽ công bằng mà trời vẫn thường thực thi theo tư tưởng Nho giáo. Điều này cũng thường được các tác giả văn học trung đại vận dụng trong sáng tác. Ví như trong kiệt tác *Truyện Kiều*, sau khi phải nếm trải đủ mùi cay đắng suốt mười lăm năm lưu lạc, Thúy Kiều đã được đoàn viên cùng gia đình, được gặp lại người tình lý tưởng Kim Trọng. Theo lời của nhân vật Kim Trọng, đó là bởi ý trời: “Trời còn để có hôm nay/ Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời”. Với thiên ký *Truyện mộ tổ ở Vịnh Kiều – phụ chép truyện Hiên Tích*, ta còn thấy Vũ Phương đề dùng quan niệm thiên ý để giải thích cho vấn đề được – mất tiền của qua ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật. Cả nhân vật người khách Trung Quốc và nhân vật Nguyễn Phúc Ngộ đều có niềm tin về chuyện được – mất tiền của là bởi trời sai khiến: “- Tôi vì di sản của tiên nhân lận lợi đến đây, không hay trời đã cho ông rồi”; Nguyễn Phúc Ngộ: “- Trời chỉ sai tôi giữ cho ông, cho nên tôi phải cất đi để đợi ông”.⁴ Vận dụng quan niệm thiên ý mang màu sắc tư tưởng Phật giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng

dân gian, qua thiên ký *Truyện Nguyễn Giám sinh ở La Sơn*, tác giả còn dùng quan niệm này để lý giải cho một vấn đề hoang đường trong xã hội là chuyện giáng sinh. Tác phẩm ghi chép việc một người họ Nguyễn sau khi mất, được Thượng Đế cho giáng sinh làm vua. Và theo như lời bình của tác giả cuối tác phẩm thì: “Việc này giống như việc Cù Tu tướng quân thấy Đường Thái Tông mà ôm mặt khóc. Thế mới biết thần khí (chỉ ngôi vua) là có định mệnh, không thể lấy tự lực mà cầu được. Vì rằng theo đúng đạo lý, thì đầu trời cho giáng sinh, cũng phải nương bộ người có đức”.⁴

Từ những thống kê, phân tích ở trên, chúng ta thấy rằng, khi dùng phương diện thiên đạo trong quan niệm thiên mệnh để lý giải các vấn đề xã hội, Vũ Phương Đề cùng một lúc đã vận dụng cả học thuyết Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian. Là vì, *Công dư tiếp ký* vốn là những câu chuyện đã lưu truyền trong dân gian, được nhà Nho Vũ Phương Đề ghi chép lại nhân lúc rảnh rỗi việc công. Đây còn là tập ký xuất hiện trong thời buổi suy tàn của chế độ phong kiến, khi truyền thống dân tộc, tín ngưỡng dân gian, Đạo giáo và Phật giáo đang từng bước trỗi dậy trước sự áp chế bấy nay từ nền tảng tư tưởng tinh thần chủ đạo của xã hội là Nho giáo. Và như chúng tôi đã trình bày ở phần trước: trong quá trình hình thành và phát triển, nội dung quan niệm thiên mệnh trong tư tưởng Nho giáo vốn đã có sự kế thừa, dung hợp với những tín ngưỡng, tôn giáo khác. Tuy nhiên, nội dung biểu hiện từ các khía cạnh của phương diện thiên đạo trong vấn đề thiên mệnh ở tập ký này vẫn thiên về quan niệm của học thuyết Nho giáo. Là bởi, trước sau thống nhất trong trang đời cũng như trang văn, Vũ Phương Đề vẫn là một nhà nho hành đạo, đã từng kinh qua nhiều chức vụ dưới thời Hậu Lê. Và Nho giáo vẫn là rường cột tinh thần cơ bản của xã hội phong kiến lúc bấy giờ. Ngợi ca thế gia, danh thân, danh Nho, tiết nghĩa, những người thuận theo thiên đạo đã thể hiện tâm thế của tác giả vẫn luôn đề cao Nho học, trật tự phong kiến.

Lấy đạo đức làm chuẩn mực, vậy nên từ sự chi phối của phương diện thiên đạo, hệ thống nhân vật trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề chia thành hai kiểu rõ rệt: nhân vật chính diện và nhân vật phản diện. Bởi vậy, phần lớn những nhân vật trong tập ký của Vũ Phương Đề trở thành nhân vật tư tưởng, còn nặng tính chất chức năng, là phương tiện để tác giả giảng giải cho một học thuyết, tín ngưỡng hay chuyên trở một đạo lý sống nào đó, nhất là tinh thần khuyến thiện, như mục đích của sách đã được ông nói ở

phần bài tựa: “Nhưng trong sự ghi chép sơ lược ấy, có nhiều điều ngụ ý khuyên răn, khả dĩ dùng để đọc khi nhàn hạ”.⁴ Các nhân vật trong *Công dư tiếp ký* vì thế chưa có được sự hồn nhiên, tự nhiên, đa diện như con người ngoài đời thực mà thường hiện lên đơn diện, hành động thống nhất một chiều, gần với những nhân vật trong truyện dân gian, hay như trong những tập truyện chí quái, truyền kỳ ở những giai đoạn trước của văn học viết trung đại (*Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Nam ông mộng lục*, *Truyền kỳ mạn lục*,...). Nhân vật chưa có được sự chuyển biến phong phú về đời sống nội tâm như trong sáng tác ký sau này (*Thượng kinh ký sự*). Trong tập ký, ngoài nhân vật vua có thể thay trời hành đạo thì còn nhiều nhân vật siêu nhiên khác cũng có thể trực tiếp, giúp sức cho việc thực thi thiên đạo: Ngọc Hoàng Thượng Đế, Phật A Di Đà, thần tiên,... Các nhân vật này lại tồn tại trong những không gian và thời gian siêu thực gắn liền với sự xuất hiện của nhiều yếu tố kỳ ảo, nhất là sự tương thông tương giao giữa các cõi, mang lại sức hấp dẫn cho người đọc. Điều này khác với những tác phẩm ký sau này của Trần Tiến, Phạm Đình Hổ, Lê Quýnh, Lê Hữu Trác, Lý Văn Phức,... thường đậm chất hiện thực, tự thuật hơn là sử dụng những yếu tố hoang đường, kỳ ảo. Tuy nhiên, để làm tăng tính xác thực, xác tín vào sự chi phối của thiên đạo, tác giả Vũ Phương Đề đã không chỉ chứng minh bằng ghi chép sự việc theo lời kể lại mà còn lồng ghép vào từng thiên ký những giai thoại, bài thơ, câu đối, điển cố, lời đối đáp của nhân vật và cả lời bình đàm trực tiếp của tác giả, tạo cho tập ký sự phong phú, đa dạng về hình thức thể loại cũng như phương thức phản ánh hiện thực và đậm chất khảo cứu, với ngôn ngữ những tri thức về văn hóa, lịch sử, địa lý.

3. KẾT LUẬN

Thiên mệnh là vấn đề nổi bật, xuyên suốt trong tập *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề, với đầy đủ biểu hiện và sự chi phối ở cả hai phương diện thiên đức và thiên đạo. Nội dung biểu hiện vấn đề thiên mệnh trong tập ký có sự dung hòa bởi nhiều học thuyết, tín ngưỡng khác nhau nhưng sâu đậm hơn cả vẫn là tư tưởng của Nho giáo. Điều đó được thể hiện tập trung ở những tác phẩm ghi chép về thế gia, danh thần, danh nho, tiết nghĩa, chí khí liên quan đến các dòng họ và danh nhân lịch sử Việt Nam, nhất là những người họ Vũ ở xã Mộ Trạch – quê hương của tác giả. Sử dụng quan niệm thiên mệnh trong tập ký, tác giả đã có cái nhìn nhất quán trong việc lý giải các vấn đề xã hội cũng như xây dựng các loại hình nhân vật, nổi bật là kiểu nhân vật Nho

sĩ lấy việc ứng xử hợp với lẽ trời làm thước đo cho mọi giá trị.

Xét riêng ở những nội dung liên quan đến quan niệm thiên mệnh, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề đã cho độc giả thấy được sự phong phú về chủ đề phản ánh; mang cả giá trị văn học, lịch sử, văn hóa. Quan niệm thiên mệnh góp phần làm tăng tính chất trang nghiêm, tính quy phạm, sự hấp dẫn cho những thiên ký. Từ những tấm gương có đủ thiên đức, thuận theo thiên đạo trong từng tác phẩm, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề đã mang lại ý nghĩa giáo dục rất cao về lòng tự tôn dân tộc, truyền thống gia tộc, tinh thần khoa bảng, ý thức trách nhiệm nhập thế giúp đời của kẻ sĩ cũng như của người dân lao động. Đồng thời, qua đó cũng cho thấy cái nhìn còn hạn chế của các tác giả văn học trung đại nói chung, Vũ Phương Đề nói riêng trong việc lý giải các vấn đề, hiện tượng đời sống còn mang yếu tố duy tâm, chủ quan.

Phản ánh hiện thực từ góc nhìn của quan niệm thiên mệnh, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề có lúc phơi bày những biểu hiện xuống cấp, suy tàn của chế độ phong kiến; của lý tưởng cũng như phép tắc ứng xử trong tư tưởng Nho giáo, lễ giáo phong kiến. Dầu vậy, trước sau thống nhất trong tập ký, ông vẫn thể hiện giọng điệu răn dạy đạo đức, cảnh tỉnh xã hội, những mong lập lại trật tự phong kiến, tiếp tục khẳng định vai trò rường cột của tư tưởng Nho giáo nói riêng, lễ giáo phong kiến nói chung. Qua những biểu hiện và sự chi phối của quan niệm thiên mệnh được sử dụng trong tập ký, Vũ Phương Đề nổi bật là kiểu tác giả nhà Nho hành đạo gắn với niềm tự hào về địa linh nhân kiệt của gia tộc, quê hương, đất nước.

Ghi chép lại nhiều câu chuyện nói về sự thường – phạt phân minh bởi trời và các lực lượng siêu nhiên khác, cùng lối kể chuyện mang màu sắc truyền thuyết, giai thoại dân gian sinh động, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề đã thể hiện rõ quan niệm nhân sinh của các nhà Nho nhưng cũng hết sức gần gũi với quan niệm, khát vọng sống nói chung của nhân dân, nhất là với những người dân lao động. Bên cạnh đó, dù còn mang chất dân gian và tinh thần khảo cứu, chưa đậm chất tự thuật, cũng như tính nghệ thuật, nhưng các tác phẩm trong tập ký này đã giàu chất liệu hiện thực, tính thời sự hơn so với các tác phẩm chí quái, truyền kỳ trước đó. Nói cách khác, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề đã thực sự hội tụ đủ những đặc trưng cơ bản của thể loại ký; xứng đáng giữ vai trò thừa tiếp, mạch nối cho sự phát triển của thể loại ký nói riêng, dòng văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam nói chung giai đoạn thế kỷ XVIII – XIX.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở của Trường Đại học Quy Nhơn với mã số T2024.854.25.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. T. V. Giáp. *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, Tập 1-2, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1984.
2. N. Đ. Na. *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.
3. T. Nghĩa (Chủ biên). *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 1997.
4. V. P. Đề. *Công dư tiếp ký* (Đoàn Thăng dịch, Trần Nghĩa giới thiệu), Nxb Văn học, Hà Nội, 2001.
5. N. V. Hoài. *Đôi điều bổ sung thêm về tác giả và tác phẩm Công dư tiếp ký*,
<<http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/h%C3%A1n-n%C3%B4m/259-oi-iu-b-sung-them-v-tac-gi-va-tac-phm-cong-d-tip-ky.html>>, truy cập ngày 09/09/2024.
6. L. D. K. Minh. *Truyện truyền kỳ Việt Nam thời trung đại: diện mạo và đặc trưng nghệ thuật*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội, 2019.
7. Đ. T. T. Tiên. *Đặc điểm nghệ thuật “Công dư tiếp ký” của Vũ Phương Đề*, Luận văn thạc sĩ khoa học định hướng nghiên cứu, Trường Đại học Khoa học Huế, 2016.
8. L. T. H. Yến. *Hai bức tranh xã hội trong kí viết về chuyện kì Việt Nam giai đoạn thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX*, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội* 2, 2020, 42, 5-11.
9. L. T. H. Vy. *Văn hóa tâm linh trong Công dư tiếp ký*, Đề án Thạc sĩ Văn học Việt Nam, Trường Đại học Quy Nhơn, 2023.
10. N. Đ. Na. *Đặc điểm văn học Việt Nam trung đại: Những vấn đề văn xuôi tự sự*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003.
11. V. T. Hạng. *Những đóng góp của thể loại ký giai đoạn văn học thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX*, Luận văn thạc sĩ Văn học, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2007.
12. L. N. Thìn, V. Thanh (Đồng chủ biên). *Giáo trình văn học trung đại Việt Nam*, Tập 2, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2015.
13. 钟肇鹏 C. T. Bằng. *孔子研究 Khổng Tử nghiên cứu*, 中国社会科学出版社 Trung Quốc xã hội khoa học xuất bản xã, 1999.
14. T. T. Kim. *Nho giáo*, Nxb Thời đại, Hà Nội, 2012.
15. N. H. Lê. *Khổng Tử*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1995.
16. N. H. Lê. *Kinh Dịch: đạo của người quân tử*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2007.
17. Đ. T. Còn. *Tứ thư*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2011.
18. N. G. Phú. *Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam*, Tủ sách Đại học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 1996.
19. L. Q. Đôn. *Kinh Thư điển nghĩa*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 1993.
20. N. T. Nhan (Giới thiệu và chú giải). *Kinh lễ*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1999.